

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Hạng mục: Trạm bơm Tân Lê

Dự án: Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 19/HĐND ngày 19/13/2018; Văn bản số 51/HĐND ngày 13/7/2018; Văn bản số 87/HĐND ngày 03/10/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 29/TTr-BQL ngày 01/3/2019 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 367/SNN-QLXDCT ngày 01/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, hạng mục Trạm bơm Tân Lê thuộc dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó

với tình hình nắng hạn tại Bình Định, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục: Trạm bơm Tân Lệ.

Thuộc dự án: Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định.

2. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Liên danh Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung, Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Bình Định và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

6. Chủ nhiệm công trình: Thạc sỹ Đỗ Cảnh Hào.

7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

7.1. Quy mô và giải pháp thiết kế:

7.1.1. Trạm bơm:

- Kênh dẫn vào bể hút: Lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,125 \text{ m}^3/\text{s}$. Chiều dài $L=108\text{m}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,001$. Mặt cắt kênh hình tròn, kết cấu bằng ống bê tông ly tâm đúc sẵn M300, đường kính $D=1000\text{mm}$, H10, dày 10cm, lắp ghép.

- Bể hút: Kích thước đoạn cửa vào $(B \times H \times L) = (1,00 \times 1,50 \times 0,70)\text{m}$, đoạn chuyển tiếp $(B_{tb} \times H_{tb} \times L) = (3,70 \times 2,15 \times 7,00)\text{m}$; buồng hút $(B \times H \times L) = (6,40 \times 2,80 \times 5,00)\text{m}$. Cao trình đáy bể hút 15.80m. Cao trình đỉnh tường bể hút 18.60m. Kết cấu bể hút bằng BTCT M250.

- Trạm bơm: Lưu lượng thiết kế trạm bơm $Q_{TK}: 450 \text{ m}^3/\text{h}$. Mực nước bể hút thấp nhất thiết kế ($MN_{\min}$): 17.30m. Mực nước bể xả thiết kế: 25.12m. Cột nước địa hình ($H_{đh}$): 8,07m. Cột nước yêu cầu (H_{yc}): 12,65m. Loại máy bơm ly tâm trục ngang, lưu lượng thiết kế $Q_b = 150 \text{ m}^3/\text{h}$. Cột nước thiết kế $H_b = 20\text{m}$. Số tổ máy: 04 tổ máy (03 máy hoạt động, 01 máy dự phòng). Tổng công suất máy bơm $(15\text{kW} \times 3) = 45\text{kW}$. Cao trình đặt máy 22.26m. Một máy bơm mỗi loại ly tâm trục ngang, lưu lượng $(2,4-4,8)\text{m}^3/\text{giờ}$, cột nước $(31-27)\text{m}$, công suất 0,75kW.

- Đường ống hút: Ống thép D200 mm dày 5mm, dài 13,57m, đặt trên các móng, móng néo bằng BT M200.

- Đường ống đẩy: Đoạn đầu bằng ống thép D150 mm dày 5mm, dài 11,20m; đoạn giữa bằng ống thép D300mm dày 5mm, chiều dài 8,64m và ống HDPE-PN6, D300mm dày 12,1mm, chiều dài 327m, được chôn trong đất trung bình 1,30m; đoạn cuối bằng ống thép D300mm dày 5mm, chiều dài 2,38m đặt trên tường bể xả.

- Bể xả: Kích thước buồng xả $(B \times H \times L) = (1,20 \times 2,80 \times 4,00)\text{m}$, đoạn chuyển tiếp $(B_{tb} \times H_{tb} \times L) = (0,875 \times 1,55 \times 2,00)\text{m}$, kích thước cửa ra $(B \times H_{tb} \times L) = (0,55 \times 1,05 \times 3,00)\text{m}$. Cao trình đáy bể xả 24.07m. Cao trình đỉnh tường bể xả 25.87m. Kết cấu bể xả bằng BTCT M200.

- Nhà vận hành: Diện tích đất khu vực xây dựng $S = (29,60 \times 44,20)\text{m} = 1.308,32\text{m}^2$. Xây dựng mới nhà vận hành trạm bơm, diện tích sử dụng $43,68\text{m}^2$, gồm

Trần Văn Bình
2

1 phòng điều khiển và 1 phòng đặt máy bơm. Lắp đặt hệ thống điện điều khiển cho 4 động cơ 15kW và hệ thống điện phục vụ chiếu sáng trong nhà.

- Nhà quản lý: Diện tích sử dụng 21,84m², gồm 1 phòng nghỉ, 1 bếp ăn và 1 phòng vệ sinh. Lắp đặt hệ thống điện, nước để phục vụ sinh hoạt.

- Xây dựng tường rào, cổng ngõ để bảo vệ trạm bơm.

7.1.2. Phần kênh:

- Kênh chính (sau bể xả), tổng chiều dài $L = 1.008,60\text{m}$, gồm 02 đoạn.

+ Đoạn 1: Từ K0+325,40 đến K0+512,40, chiều dài $L=187\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,125\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,55 \times 0,80)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đổ tại chỗ dày 15cm, một nhịp kênh dài 6m bố trí 3 thanh giằng BTCT M200.

+ Đoạn 2: Từ K0+512,40 đến K1+334,00, chiều dài $L=821,60\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,098\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,55 \times 0,70)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đổ tại chỗ dày 15cm, một nhịp kênh dài 6m bố trí 3 thanh giằng BTCT M200.

+ Công trình trên kênh: 21 cái, bao gồm 13 cống lấy nước, 02 cống đầu kênh, 02 cống qua đường, 02 xi phông, 01 cống tiêu, 01 kênh máng.

- Kênh N1: Chiều dài $L = 750,65\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,016\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,30 \times 0,40)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đúc tại chỗ dày 12cm, một nhịp kênh dài 6m bố trí 3 thanh giằng BTCT M200. Công trình trên kênh: 12 cái, bao gồm 09 cống chia nước, 01 kênh máng, 02 cống qua đường.

- Kênh N2: Chiều dài $L = 993,80\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,030\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,40 \times 0,45)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đúc tại chỗ dày 12cm, một nhịp kênh dài 6m bố trí 3 thanh giằng BTCT M200. Công trình trên kênh: 11 cống chia nước.

- Kênh N3: Chiều dài $L = 962,30\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,033\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,40 \times 0,50)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đúc tại chỗ dày 12cm, một nhịp kênh dài 6m bố trí 3 thanh giằng BTCT M200. Công trình trên kênh: 13 cái, bao gồm 10 cống chia nước, 01 cống đầu kênh, 01 cống tiêu, 01 cầu qua kênh.

- Kênh N3-1: Chiều dài $L = 330,90\text{m}$. Lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=0,012\text{ m}^3/\text{s}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,0005$. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước $(B \times H) = (0,30 \times 0,35)\text{m}$. Kết cấu kênh bằng bê tông M200 đúc tại chỗ dày 10cm, một nhịp kênh dài 6m. Công trình trên kênh: 03 cống chia nước.

7.1.3. Phần điện ngoài nhà máy:

Xây dựng 01 đường dây điện 22 kV đấu nối từ hệ thống lưới điện quốc gia đến 01 trạm biến áp 3 pha 75kVA-22/0,4kV và xây dựng mới trạm biến áp 3 pha 75kVA-22/0,4kV.

- Tổng chiều dài tuyến đường dây điện 22kV là 45m, dây dẫn loại nhôm bọc XPLE 12,7/24kV-A70mm².

- Trạm biến áp 75kVA-22/0,4kV: Kết cấu kiểu treo trên cột, ngoài trời, không

Trần Văn Bình
3

có tường rào bao che;

- Cột bê tông ly tâm loại: BTLT-12m; móng cột bê tông đúc tại chỗ: MT-4G.
- Sứ đứng và sứ treo loại 24kV.
- Tiếp địa cột: Loại cọc tia NĐC-6C các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.
- Tiếp địa trạm: Loại cọc tia NĐT-2x10C, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.
- Xà: Dùng thép hình gia công mạ kẽm nhúng nóng.
- Tủ điện: 0,4kV loại TĐ-3 sơn tĩnh điện.
- Cáp lực tổng 600V: 3 CV50mm² + 1CV35mm².
- Bảo vệ quá tải điện áp khí quyển dùng chống sét van LA-18kV; bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía trung áp dùng cầu chì tự rơi 24kV; bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía hạ áp dùng Aptomat tổng 600V-100A.
- Tủ tự bù hạ thế cho trạm 40kVAr - 400V điều khiển đóng cắt tự động theo hệ số công suất $\cos \varphi \geq 0,9$.

7.2. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông tin chung		
1	Diện tích tưới thiết kế	ha	80,00
2	Cấp công trình		Cấp IV
3	Loại công trình		Nông nghiệp và PTNT
II	Trạm bơm		
II.1	Kênh dẫn vào bể hút		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,125
2	Mặt cắt kênh		Hình tròn
3	Đường kính ống		Ø1000mm dày 10cm, H10
4	Kết cấu		Ống BTLT M300
5	Độ dốc đáy kênh	%	0,10
6	Chiều dài kênh	m	108,00
7	Chiều sâu cột nước min	m	0,20
8	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,32
II.2	Bể hút		
1	Kích thước cửa vào (BxHxL)	m	(1,00x1,50x0,70)
2	Kích thước đoạn chuyển tiếp (B _{tb} xH _{tb} xL)	m	(3,70x2,15x7,00)
3	Kích thước buồng hút (BxHxL)	m	(6,40x2,80x5,00)
4	Cao trình đáy bể hút	m	15.80
5	Cao trình đỉnh tường bể hút	m	18.60
6	Kết cấu bể hút		BTCTM250
II.3	Đường ống hút máy bơm		

Trần Văn
4

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều dài đường ống thép	m	13,57
2	Đường kính ống thép		Ø200mm, dày 5mm
II.4	Đường ống đẩy máy bơm		
II.4.1	Đoạn đầu		
1	Chiều dài đường ống thép	m	11,20
2	Đường kính ống thép		Ø150mm, dày 5mm
II.4.2	Đoạn giữa		
1	Chiều dài đường ống thép	m	8,64
2	Đường kính ống thép		Ø300mm, dày 5mm
3	Chiều dài đường ống HDPE -PN6	m	327,00
4	Đường kính ống HDPE		Ø300mm, dày 12,1mm
II.4.3	Đoạn cuối		
1	Chiều dài đường ống thép	m	2,38
2	Đường kính ống thép		Ø300mm, dày 5mm
II.5	Trạm bơm		
1	Lưu lượng thiết kế trạm bơm	m ³ /h	450,00
2	Cột nước địa hình (H _{dh})	m	8,07
3	Cột nước yêu cầu (H _{yc})	m	12,65
4	Cao trình mực nước bể hút min (MN _{min})	m	17.30
5	Cao trình mực nước bể xả thiết kế	m	25.12
6	Cao trình tim ống đẩy	m	25.37
7	Cao trình đặt máy	m	22.26
8	Loại máy bơm		Máy bơm ly tâm trục ngang
9	Lưu lượng 1 máy bơm thiết kế	m ³ /h	150,00
10	Cột áp máy bơm (H) thiết kế	m	20,00
11	Đường kính ống hút		Ø200mm dày 5mm
12	Đường kính ống đẩy		Ø150mm dày 5mm
13	Vòng quay máy bơm (n)	v/p	1450
14	Công suất động cơ	KW	15,00
15	Số tổ máy		04 tổ máy (01 máy dự phòng)
II.6	Bể xả		
1	Kích thước buồng xả (BxHxL)	m	(1,20x1,80x4,00)
2	Kích thước đoạn chuyển tiếp (B _{tb} xH _{tb} xL)	m	(0,875x1,55x2,00)
3	Kích thước cửa ra (BxH _{tb} xL)	m	(0,55x1,05x3,00)
4	Cao trình đáy bể xả	m	24.07

Handwritten signature
5

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
5	Cao trình đỉnh tường bể xả	m	25,87
6	Kết cấu bể xả		BTCT M200
II.7	Nhà trạm bơm		
1	Cấp công trình		Cấp IV
2	Diện tích xây dựng	m ²	43,68
II.8	Nhà quản lý		
1	Cấp công trình		Cấp IV
2	Diện tích xây dựng	m ²	21,84
III	Hệ thống kênh		
III.1	Kênh chính		
III.1.1	Đoạn 1: Từ K0+325,40 đến K0+512,40		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,125
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,55x0,80)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	187,00
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,553
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,41
9	Công trình trên kênh	cái	4,00
III.1.2	Đoạn 2: Từ K0+512,40 đến K1+334,00		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,098
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,55x0,70)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	821,60
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,455
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,39
9	Công trình trên kênh	cái	17,00
III.2	Kênh N1		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,016
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,30x0,40)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005

Trần Văn Bình
6

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	750,65
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,216
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,25
9	Công trình trên kênh	cái	12,00
III.3	Kênh N2		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,03
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,40x0,45)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	993,80
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,257
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,29
9	Công trình trên kênh	cái	11,00
III.4	Kênh N3		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,033
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,40x0,50)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	962,30
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,276
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,30
9	Công trình trên kênh	cái	13,00
III.5	Kênh N3-1		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,012
2	Mặt cắt kênh (BXH)		Hình chữ nhật (0,30x0,35)
3	Kết cấu kênh		Bê tông M200
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,005
5	Hệ số nhám lòng kênh		0,017
6	Chiều dài kênh	m	330,90
7	Chiều sâu cột nước thiết kế	m	0,173
8	Vận tốc thiết kế	m/s	0,23
9	Công trình trên kênh	cái	3,00
IV	Đường dây 22kV - Trạm biến áp		
1	Chiều dài đường dây	m	45,00

Đinh
7

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
2	Loại dây dẫn		Dây dẫn loại nhôm bọc XPLE 12,7/24kV-A70mm ²
3	Công suất Trạm biến áp		75kVA-22/0,4kV
4	Kết cấu		Kiểu treo trên cột, ngoài trời, không có tường rào bao che.

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 10.271.404.000 đồng (Mười tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 7.789.538.000 đồng
- Chi phí thiết bị : 507.182.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 186.601.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 651.324.000 đồng
- Chi phí khác : 529.703.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 607.056.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu ứng phó với Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ và vốn đối ứng ngân sách địa phương.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2018-2020.

11. Phương thức thực hiện: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và các huyện Phù Cát, Tây Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Trần Châu;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K10. *Phu*

